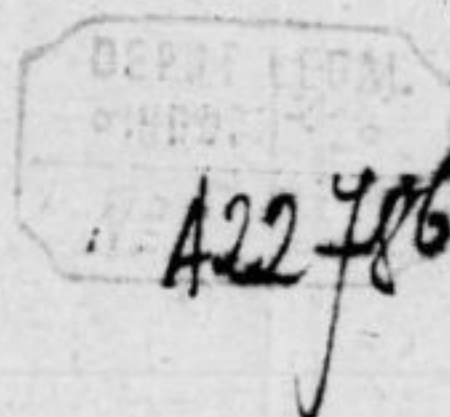


ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG *



MỤC LỤC

1. — Đi viếng đền Hùng LÊ THỌ-XUÂN
2. — Gia-đình Giáo-dục (tiếp theo). QUANG PHONG
3. — Vì sao ta thích đọc tiểu-thuyết (tiếp theo) . . B. N. T.
4. — Mùa xuân với Tản-Đà. NGUYỄN-TIẾN-LÃNG
5. — Rương vàng của con tôi (tiếp theo) TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG
6. — Tiểu-thuyết : Đoạn Tình (tiếp theo). . HỒ BIỂU-CHÁNH



Bao-quan : 5, duong Reims, Saigon — Giá mỗi số : 0 \$ 40

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI VIỆT

5 RUE DE REIMS — SAIGON



ĐÃ XUẤT BẢN : **CỬ KINH (tiểu-thuyết)**
của HỒ BIỂU-CHÁNH Giá : 0p.70

HUẤN TỬ CA (thơ lục bát)
của NGUYỄN-VIÊN-KIỀU Giá : 0p.30

PÉTAIN Cách-Ngôn
Á Đông Triết-Lý Hiệp-Giải
của HỒ-VĂN-TRUNG và
ĐẶNG-THỨC-LIÊNG Giá : 1p.50

VÔ-TÁNH TIÊU SỬ
của Biếu-Chánh
HỒ-VĂN-TRUNG Giá : 1p.50

SẴP XUẤT BẢN : **LUÂN-KÝ ĐẠO NHỎ**
của TRÚC-HÀ

ĐANG IN : **VƯỜN XƯA GHỀ MẶT**
Tập 1
của HỒ BIỂU CHÁNH

ĐI VIẾNG

ĐIỀN HÙNG

Ngày mồng 10 tháng 3 năm 2 Avril 1944 đồng bào ta ngoài Bắc làm lễ kỷ niệm long trọng đức Hùng Vương tại thôn Cổ Tích, thuộc tỉnh Phú thọ. Đ. V. T. C. chúng tôi cũng đồng một lòng tôn kính danh nhân tiền bối của đất Việt, nên chúng tôi xin trích đăng dưới đây bài « Đi viếng đền Hùng » của ông bạn Lê thọ Xuân.

Thà trễ mà còn hơn khất, Đ. V. T. C. vì lẽ là tập chí bán nguyệt và lại còn trong số bao đã qua là số Vô-Tánh do bản báo Chủ-Nhiệm soạn đây có trăm trang, nên bà-rà, không thể ra đúng ngày được. Xin quý độc giả biết cho. — T. S.

Chúng ta, ai còn không biết tiên-tổ nước mình là họ Hồng-Bàng; họ Hồng Bàng làm vua 18 đời, đời xưng là Hùng-vương. Vậy trước khi đưa các bạn đi chơi chỗ này chỗ nọ, tôi muốn đưa các bạn đi viếng mộ Tổ nhà ta.

Chúng mình đương ở Hà Nội đây.

Muốn đi đến mộ tổ ở về phủ Lâm-thao, tỉnh Phú-thọ, thì hoặc đi xe lửa, hoặc đi xe hơi. Đi xe lửa thì ta theo đường Hà Nội-Laokay, nhưng phải xuống ở ga Liên-kiên, cách Hà Nội 90 km. 6; ở đó lại chơn núi Đền (1) độ 4 cây số.

Đi xe hơi thì ta lên xe Hà Nội-Tuyên-quang, nhưng xuống xe tại ngã ba giữa khoảng km. 95 và km. 96; chỗ ngã ba đến chơn núi 2 cây số phải đi bộ vì không có xe chực sẵn.

Đi xe lửa, hay đi xe hơi cũng đều bất tiện cho sự về của mình mà ở trên ấy cả đêm lại càng bất tiện hơn nữa.

Chi bằng sẵn xe nhõ đây, chúng mình chung nhau đồ sẵn mà đi, vừa tiện lại vừa lợi.

Lót lòng cho vững dạ mà đi. Đi. Đi sớm cho mát, nhớ đem nước uống theo các bạn nhé. Mình đi đến xứ lạ, nhưt là xứ có núi cao, rừng rậm, mình nên đề phòng nước uống hơn hết, và nhớ đem gói đồ ăn trưa nữa. Chúng ta đã lên căn sông Cái rồi, Cầu sông Cái là cầu sông Nhĩ-hà, sông Hồng-hà, (Fleuve Rouge) tây gọi Pont Doumer, vì quan Toàn-quyền Doumer cho bắt cây

(1) Hùng sơn cũng gọi là núi Đền, núi Nghĩa-linh, hay Nghĩa-cương.

cầu dài 1682 thước này (hai dốc xi măng, hai đầu làm dài thêm trên 800 thước nữa) ngoảnh cổ ngo lại, bạn có thấy bờ đê chưa ? Nó cao quá nóc nhà mình. Trên bề mặt nó xe hơi chạy cũng được ; nó cứ dài theo bờ sông Nhị-hà mà chạy, chạy mãi, cho nên gọi là Đê Nhị đê (cũng kêu là Đê Quai Xanh) đắp kỷ từ đời nhà Trần, vào tháng ba năm 1244. Rẽ qua tay trái, theo đường Phúc-yên, Tuyên-quang.

Đây là km. 14 (cây số 14) đường rẽ bên phải ta là đường vào Cồ loa, vào đó trên 2 cây số. Ta cứ chạy thẳng., km.28, ngã ba Phú-Lồ, nghỉ xe và nghỉ để tôi chỉ đường cho bạn biết chơi. Thẳng luôn, nghĩa là nếu mình cứ ôm tay mặt mà chạy thì là đường đi Thái-nguyên Bắc kạn, cũng theo đường này.

Nhưng cách đây 7 cây số mình rẽ qua tay trái độ 4 cây số nữa thì tới hơn dãy núi mà các bạn quen lắm, núi Vê-linh hay là Sóc-sơn chỗ Phủ đồng Thiên-vương (Đức Thánh Gióng) « hóa » (?) sau khi phá tan giặc nhà Ân, nhưng cũng để đánh đó lần khác tôi sẽ cùng các bạn đến chơi, bây giờ ta phải nhắm mục đích mà đi. Đi viếng mộ tổ, chúng ta theo đường đi Phúc-yên, 17 cây số nữa là Vĩnh-yên, một tỉnh thành khác, ở đây có đường đi Tam-đảo 24 cây số, Tam-đảo đẹp lắm các bạn ạ. Chỗ chơi của Vương-tôn, Công-tử chỗ nghỉ mát của các nhà giàu.

Ta cứ thẳng đường đi Phú-thọ; khỏi Vĩnh-yên 20 cây số, ta tới Việt-tri. Bên này cầu là Huyện y Huyện Bạch hạc bạn có thấy vô số nhà bè đó không ? Còn ngo qua bên kia cầu là Việt-tri, bạn thấy nhiều phố mà phố cất thành từng dãy nhà sàn, có vây đến mùa nước mới chịu được. Cầu Bạch hạc (Bạch hạc trước thuộc huyện Mi-linh) dài 296m bắc ngang trên sông Cả (Lô-giang). Việt-tri 1 kia sông to chạy theo đường, kia ngã ba Hạc.

Các bạn sao chưa cất nón đi ? Các bạn có biết đây là đâu không ?

Đây là chốn cũ Phong-châu chỗ đóng đô của các vua Hùng. Nhiều sách chép, kinh-dô vua Hùng ở ngay chỗ trại lính Việt-tri đó. Các bạn chắc đã nhớ câu « Hùng vương đô ở châu Phong » và câu « Bà Trưng quê ở Châu-phong », rồi chứ ? Các bạn không cất nón là có lỗi với tiêu nhân mà tôi cũng có lỗi là không nhắc các bạn, Hùng-vương đô ở Châu-phong, ấy nơi bạch hạc họp giống thảo giang, chính là đây rồi. Ngã ba Hạc « vui thay ngã ba Hạc ? yêu thay ngã ba Hạc Dòng cũng một dòng, ngách chia ba ngách. » Bài phú ngã ba Hạc bay lắm kia mà cái đẹp, cái lạ, của ngã ba Hạc là sông Thao (Hồng hà

(Fleuve Rouge) từ Lào-kay chảy đến nước đổ ngòm ngòm, sông Cả (Lô-giang, Rivière Claire) từ Hà-giang chảy xuống, màu xanh leo lẻo, sông Bờ (Đà-giang, Rivière Noire) từ Hòa-bình chảy lên một giòng xám sậm khối đường tẽ vào Lâm-thao rồi mình cứ do đại lộ. Bạn có thấy gì trước mặt kia không? Kia mấy hòn núi mà mình thấy cao lên khi xe mình đang chạy trên một gò nòng; mình thấy thấp xuống khi xe mình đang hạ dốc bị nòng khác áng đi.

Tôi đã bảo bạn là Tò sơn Nghĩa-lĩnh cách Hà-nội 97 cây số, mà đây đã quá km. 88 rồi, chỉ còn 9 cây số thôi. Hẳn cũng như tôi lần đầu, thấy mấy hòn núi hoặc nhô lên, hoặc thấp xuống đó, các bạn đã chỉ mà bảo nhau:

— Á, là quá! một dãy núi trọc.

— Còn hòn kia cao hơn hết và cây cối xanh um, coi đẹp quá.

— Hòn sau nhỏ nhưng cũng có cây.

— Chắc mộ tổ ta trên núi cao đó, chắc lắm.

— Núi ấy lại có một điểm trắng trên chót chắc mộ tổ ở đó. Hẳn cũng như tôi và anh em cùng đi với tôi lần đầu, vừa thấy núi đó là các bạn đã chỉ, đã bảo, đã mừng, đã reo, như đi xa lâu năm trở về, vừa thấy không tre xanh xóm mình là trong da xôn xao, khoăn khoái, thơ thới, phới phới, muốn ca hát, muốn nhảy múa, muốn... các bạn ơi, ta cảm thấy sung sướng không thể tả ra được! mà tả làm sao được?...

Càng gần, núi càng đẹp, càng thấy tròn xoe, xanh biếc. km. 95 đây, coi chừng. Tăm bấn chỉ vào cồ tích (1) 2km. đó.

Phải rồi, sẽ sang bên tả. Chẳng ai bảo ai mà các bạn đã móc khăn ra chùi mặt, lau cồ lau tay cho sạch sẽ, vuốt tóc cho thẳng thớm; nét mặt, ai cũng vui tươi và có vẻ háng hái lạ! Ừ, các bạn háng hái về sự trèo núi hẳn, thì xuống xe để cùng nhau ăn uống rồi sẽ đặng sơn. Nhớ xách theo vài chai nước uống. Lấy cái ca (quart) nữa chớ.

Hồ, tiến lên? Trên đồi bên tả đó có nhà Hội-đồng để người ta nhóm mà bàn việc về làng miếu, cửa đồng kín mít vì không có ai ở. Quanh qua tay mặt, cửa Tam-quan đẹp quá, có bốn chữ to « Cao Sơn Cảnh Hang » (tỏ ý ngưỡng mộ vua Hùng) không được quên là cửa Tam-quan của một bà từ thiện ở Hà-nội đã cúng 200 đồng mà dựng lên, để tỏ lòng kính nhớ tổ tiên. Đường đi, khác nào gỗ gẻ khắp khênh đã có làm sẵn từng cấp. Hết đoạn có xây bậc đá thì đến khúc lại lại dễ đi. Rồi hết khúc lại lại lại đến bậc đó... cứ thế mà tiến lên mãi.

(1) Cồ tích là xã Hi-cương, phía Lâm-thao.

Bước non qua bạn nghe cũng mỗi chớ, chà, chồ này thật mát, bạn ngồi nghỉ schon, để tôi lên trước coi gần tới chưa... ờ, tới rồi, lên, lên mau. Đò, thấy chưa ? quanh qua quanh lại, rồi quanh lại nữa là tới.

Cố lên. Đường im-à dễ đi quá, các bạn nhỉ ?

Tới rồi, đây là nhà bia, ngồi nghỉ, gió mát quá, khoẻ quá. Bia có cả chữ quốc ngữ, bạn đọc đi. Đọc rồi à ? coi kia, bạn đã lấy làm lạ sao đèn thờ lại u trê tẻ ! Ờ, hai ngôi chùa cổ đấy ; phía trước có hai cái tháp ba tầng, trước nữa, ngang nhà bia này, bạn có thấy gác chuông cũ-kỹ đó không ? Bên gác lại có tường gạch nữa chớ ; ngồi nhìn trước xem sau, bạn mến gì hơn cả ? chắc bạn cũng như tôi là mến cội thông già đương đứng giữa trời mà reo đó, tôi trèo lên chồm đá cheo leo, bạn vịn ghim đá gôi chụp bình cây thông.

Vịn kỹ đá ? Nếu hơ hồng, tôi nguy to. Rồi. Chụp rồi, chụp được cội thông tươi tốt cũng cấp đứng trước đèn .. đèn trung. Coi kia, bạn giựt mình đấy ư ? Thì đây mới là đèn trung. Nghĩ đá khoẻ, mời bạn theo tôi đi rọc theo mé chái bên tả đèn này để lên chiêm bái đèn trên mộ tổ. Đừng chán ngán chớ. Có một nhọc mới tổ được tấm lòng thành của bọn ta. Có một nhọc tiên tổ ta sẽ thương tình mà chứng giám. Coi kia, em nhỏ 12 tuổi đã hăng hái trèo trước chúng ta rồi kia.

Ta há thua em sao ? Hề, tiến lên ! Cũng như đoạn dưới, bư-đá và đường lại thay mãi cho nhau... Các bạn sao còn nức-ních ở đó ? Mau lên ! Chà, đẹp quá. Thật là thủy tú sơn kỳ ! Ngồi đây mà ngắm cảnh, mới biết thơ trời riêng dành thưởng ta. Uống nước đi, rồi ta lại lên nữa ! Mau lên, các bạn. Ồi chà, Ngã ba Hạc mệnh mông bát ngát nó đẹp làm sao, lại thêm, Tả thanh long Tam đảo trùng trùng, hữu bạch hổ Tân viên vọi vọi. Dân ông thầy địa lý nào cũng phải nhận như bọn mình là « Phong thủy trời Nam, đây đẹp nhất »,

Đi núi có gì bằng kiếm c' uyện mà nói cho quên mệt, phải không các bạn ? Nãy ngược lên xem : kia lằng, họ miếu rõ ràng, thấy chưa ? Sương, coi ai cũng có vẻ thoả thích cả. Nhưng còn hơi xa xa đấy, các bạn ờ, từ chơn núi lên đến đèn thượng, trừ những khúc lồi ra, chúng ta phải « lên gỏi » ngọt bốn trăm lần, nghĩa là phải hươc ngọt 400 bực, còn hơi xa, vậy các bạn cùng tôi vừa đi vừa đọc bài này của ông cụ Vũ-khắc-Tiếp trong « Nét Mực Giang Hồ » xuất bản năm 1923. Ta đọc cho vui, đọc cho nhớ, đọc cho vang trời, đọc cho dậy núi !

LÊN ĐỀN HÙNG

Từng từng dạo bước lên non
Nhìn xem miếu mạo nghiêm tôn khác thường
Rằng đây là miếu Hùng-vương ?
Ấy là thủy tổ Nam-Phương nước nhà ?
Kể từ gây dựng quan hà,
Đó là Bạch-hạc nước là Văn-Lang
Nói truyền một mối Hồng-bàng
Sử xanh ghi chép rõ ràng còn đây
Bốn ngàn năm lẻ tới nay
Con con cháu cháu mỗi ngày thêm đông.
Đều là khi huyết Lạc-Hồng
Khắp Trung, Nam, Bắc, cùng chung máu đào !
đọc lại câu chót một lần nữa :
Khắp Trung, Nam, Bắc cùng chung máu đào ?

Đây là đền Thượng rồi. Đền nguy nga tráng lệ, xung quanh có cây cao bóng mát làm tăng phần sum nghiêm bốn chữ Hán mà các bạn thấy ở mặt tiền Đền là « Nam Việt Triệu Tổ ». Ai là Tích Đàm (1) hãy coi chừng hai ông tướng giữ thanh long đao đứng hai bên đó. Mà trong chúng ta, đâu lại có kẻ như anh chàng vong tổ ấy.

Bước lên tam cấp sạch sẽ mà vào gian giữa có tấm hoành lớn đề « Hùng-vương miếu ». Ông từ không có ở đây. Cửa đóng kỹ. Nhưng nhờ cửa « thượng song hạ bản » ta dòm vào thấy rõ cả. Cũng được, chúng ta đứng sắp hàng trước bàn giữa, khấu đầu mà tỏ lòng thành kính.

Sách chép : Bài vị trên bàn giữa có đề « Khai quốc hồng đồ dật ngọt cao sơn, Cổ Việt Hùng thi thập bát thế Thánh vương » còn cách thờ các bạn thấy cũng như các đình đền khác. Câu đối nhiều quá, tôi đọc bạn nghe câu chữ Hán này : « Từ thiên niên Hồng-lạc, Sơn-hà tương truyền tổ-quốc ; nhị thập triều Long-tiên miên duệ, công ngưỡng thần linh ». Còn đây là câu chữ nôm : « Vật đổi sao dời, phúc tổ vẫn lưu nền cổ tích ; nước nguồn cây cội, đạo người nên nhớ mộ Hùng-vương ».

Bạn ơi, lần trước, tôi người Bentre, đến đây với anh Nguyễn Xuân Sâm người Hảiphong và anh Ngô-lê-Tổ người Quinhon, chúng tôi đồng đọc lớn câu đối này : « Con cháu ba kỳ thăm mộ tổ ; non sông muôn thuở rạng nơi tiên ».

(1) Tích Đàm vong tổ : Tích Đàm, người nước Tấn, quên lịch sử tổ tiên, nên bị chê.

Bạn mẩn uơ nhìn mấy câu sơn son thếp vàng đẹp đẽ, không chịu để ý đến đôi đôi gỗ củ nầy, các bạn coi bút pháp mới thần tình làm sao, mà vẫn cũng đặc biệt nữa :

« Vắn lại di sự tu vi sử,

« Tế nhận như đồ dục mệnh thi.

Đôi nầy, nhà khảo cổ đã cho là của Tịch-độ-Vương Trịnh-Sâm viết, cách nay trên trăm rưởi năm. Bên tả đây có hồ đựng nước mưa, nhưng các bạn đừng uống, hồ không nắp đây, không được sạch, luôn dịp tôi nhắc các bạn là ngày giỗ tổ nhằm ngày mười một tháng ba ta. Xem xong rồi đấy chứ ? Kia, bên hữu đền Thượng có cửa ra lăng đó, ta đưa nhau ra yết lăng, trên mặt tiền có ba chữ « Hùng-vương lăng » to n्ह, xung quanh có rào thấp bằng gạch.

Dưới mái ngói cong vồng, có ngôi mộ đẹp, mộ bia bằng đá đề : « Sắc kiến Hùng-vương Lăng, Tự-Đức nhị thập thất niên » còn trên vách có bản sơn son đề hai chữ vàng « Biểu chánh ». Bạn đã bằng lòng lắm rồi đấy chứ ! Thôi thì xuống, mình noi theo đường mòn bên phía Việt trí mà xuống. Vững vàng ư ? đường bên đây nhỏ và không có bậc đá như đường hồi nầy, nó khúc khúc quanh co, kèm chơn đường cho trượt. Bạn lên thì lặn, chứ bạn xuống chạy đùa khoẽ lắm, mau lắm, gần tới chơn núi rồi. Ngừng lại đã, đây là đền Hạ tục gọi là đền Giếng. Trước đền có ao sen nhỏ. Cái ống khóa, khoá cửa to quá, đền thờ hai bà chúa con của vua Hùng-Vương thứ 18 : Tiên Dung công chúa, vợ của Chử đồng Tử và Ngọc Hoa công chúa vợ của Thần Tản Viên mà ta quen gọi là Sơn Tinh (trong truyện Sơn-tinh Thủy-tinh). Trông đền không gì lạ, chỉ có trước bàn thờ mạch nước chảy ra thành giếng, nước trong vô मत. Người đến lễ, xin nước để uống trừ bệnh, chúng ta ai cũng mạnh mẽ sồn sồn, có bệnh hoạn gì mà phải vào xin nước thành ? Tôi chỗ xe đậu rồi.

Các bạn một lần nữa, các bạn hãy cùng tôi quay mặt về Hùng-sơn, cúi đầu chào quốc tổ.

LÊ-THỌ-XUÂN

Ngày 22 tháng giêng Kỷ-mão

12 Mars 1939

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC

VIỆT-NAM

(Tiếp theo Đại Việt số 37)

III. — SỰ THIÊN-ÁI VÀ NỊCH-ÁI

Đối với con, kẻ làm cha mẹ tự nhiên là phải dùng tình-cảm như chăm lo tưới bón thì đoá hoa tươi kia càng tăng thêm phần phát-dục. Song có kẻ làm cha mẹ thường có tánh hay « nịch-ái ». Bởi trong công việc gì của con, mặc dầu là lỗi lầm xằng bậy, cha mẹ cũng chịu chờ không chịu sửa chữa.

Có lúc đưa con đòi những đồ không hợp lý; như ăn những vật có hại cho vệ sanh, những đồ chơi có hại tổn cho sức khoẻ, thì cha mẹ cũng chịu cho. Vậy trước những hành-vi tệ lậu, những tập quán xấu xa, những kẻ làm cha mẹ không được ngờ ngàng mà chịu theo ý muốn của chúng ; trái lại, cần phải hết sức nghiêm cấm.

Để cho trẻ con đòi ngan nào được ngan nấy tức là gây sự tệ hại cho nôi-đồng cả phương diện tinh-thần và thể-chất không phải là ít vậy.

Lại có nhiều kẻ làm cha mẹ có tánh « thiên ái », Bởi câu « nữ sanh ngoại tộc », « một trai hơn mười gái » đã thêm thêm vào những gia-đình ở xã-hội Việt-Nam, nên một phần rất đông kẻ làm cha mẹ lại thương con trai nhiều hơn gái. Trọng đưa con khôn lành quí quyết hơn đưa chân thật hiền lành. Quí đưa con giàu, ghét vợ đưa con khó. Thương đưa con ngộ nghĩnh, ghét đưa xấu xa. Như thế, cha mẹ làm cho trai gái sanh lòng ganh tị bất bình nhau, mất hẳn sự cảm tình mật thiết giữa huynh đệ. Cha mẹ ở không công bình như thế tức là mua lấy sự căm hờn cho đứa con.

IV. — CẦN PHẢI CÓ MỘT THÁI ĐỘ NHẤT TRÍ

Khi làm lỗi một điều gì, chúng ta nhận thấy đứa trẻ biết hối mà thường quanh bên cạnh mẹ, nhỏ nhẹ xin đừng nói lại với cha. Điều đó đã biểu-lộ một quan-niệm về gia-đình « cha nghiêm khắc hơn mẹ », mà chúng ta thường gọi là « nghiêm phụ, từ mẫu »

Về phương-diện sanh-lý, đứa con vốn là vật kết tinh của cha mẹ, cùng sống trong một phạm-vi gia-đình, thì đối với nhơn cách và sự giáo-dục của chúng, cha mẹ phải hoàn-toàn chịu trách-nhậm.

Nhưng có kể lại khi đứng trước sự phạm lỗi của đứa con, người cha hay mẹ có đánh đòn rầy quở thì có một bên (cha hay mẹ) lấy làm không vừa lòng (uống ruột) trở lại bình con để vợ chồng phải khẩu ô rầy-rạt lỗ-vỡ, có lúc phải « choảng » với nhau nữa. Như thế, lỗi của con không sửa đổi được, trái lại còn tập-nhiễm thêm tánh nết xấu xa.

Vậy muốn hành-phạt sự lỗi-lâm của đứa con, dầu là có « uống ruột » thế nào, kẻ làm cha mẹ cần phải có một thái-lộ nhất trí.

Và lại, còn một điều rất cần, là ta phải biết sự giáo dục con còn cần phải có nơi và có lúc. Nhiều kẻ làm cha mẹ, vì quá nóng nảy trước sự lầm lỗi của đứa con, nên họ không cần kể đến thân con là gì ; bất cứ ở chỗ nào, nơi nào, vầu mặt mạt đánh đập chửi bới om sòm.

Như thế làm cho đứa bé thấy khó chịu, hổ thẹn với bạn bè, mà lòng biết phục thiện sẽ trở thành lòng oán ghét căm giận.

Bởi bị rầy mắng trước đông người, ban đầu chúng còn cảm thấy khó chịu ; nhưng cứ nhiều lần quá, thành ra chúng quen đi, mà không còn cảm thấy sợ sệt sợ gì nữa. Do đó mà chúng hóa ra lì lợm khó dạy.

Nếu ta thấy rằng đứa bé đã biết sợ ta sau khi phạm lỗi, thì ta hãy khoan-hòa tha thứ và lập tức bảo chúng sửa lỗi ngay. Nếu ta mãi cần nhắc cần nhắc xới bới lên, thành ra một thói quen cho chúng chịu đựng được mà về sau, chúng không còn thấy sợ hãi hay xấu hổ nữa.

Như thế, sự giáo dục của ta đối với chúng về sau này không còn thấy công hiệu gì, bất cứ là một công việc nhỏ mọn.

Theo lẽ tự-nhiên, đứa con nào lại không sợ cha mẹ. Đó là bản-tánh thiên-liêng của nó. Đã bảo sợ thì cố nhiên nó không bao giờ không vâng lời. Sở-dĩ chúng không sợ, không vâng lời, là tại cha mẹ hay dọa nạt một cách hăm-hở, cũng đánh đòn một cách vô ý thức ; hoặc cứng-đương nịch-ái chúng thái quá, nên chúng trở sanh lớn và thành một đứa ương-ngạnh, cứng cổ, bất trí.

Vậy, ta cần tha thứ những lỗi của chúng một vài lần. Sự tha thứ ấy, ta còn cần phải giảng dạy cho chúng hiểu sự lỗi lầm và nguyên-nhân sự thua thứ ấy.

Có kẻ cha mẹ không nghĩ đến sự dạy dỗ của con 'phải cần ở lúc nào, chỗ nào? Thậm chí ở buổi cơm, họ cũng không buông tha, cứ đưa dũa đánh trên đầu chúng.

Theo lẽ thông thường, nếu ta có phải việc buồn, rầu thì đầu là đồ ăn cao lương mĩ vị, ta ăn cũng không biết ngon. Vả lại, một đứa trẻ bị đánh như thế, tất nó sẽ phải khóc, không ăn, hay ăn hối-hả để tránh sự đòn bộp đanh đon. Làm như vậy, có lúc chúng phải nghẹn ngang, mà làm cho sự tiêu-hóa phải bị đình-trệ, rất có hại cho bao tử.

Người ta thường bảo rằng : « Thương con cho roi cho vọt, ghét con cho ngọt cho bùi ». Câu tục ngữ này cũng có phần đúng.

Nhưng, bất luận là phải hay quấy, ta cứ dùng roi vọt mãi hay cứ ngọt bùi mãi, thì chỉ làm cho trí óc của đứa trẻ phải lờ lờ ù ù, không linh-động, hay làm nũng, ỹ-lại, như chúng tôi đã nói ở trên. Tuy vậy, đối với sự dùng roi vọt, không phải có thể gọi là sự giáo-dục dã-man tàn-nhân. Trái lại, chúng tôi dám quyết nhận rằng : sự dùng roi vọt để trị trẻ con rất công hiệu. Bởi phải đứa trẻ lì-lợm cứng đầu, không phân biệt được những lời khuyên dạy của cha mẹ, nếu cha mẹ vẫn bình-thản ngọt bùi, chúng tưởng là cha mẹ quá yêu chiều và đối với chúng, cha mẹ không có một tâm-hồn cứng-cỏi, không có quyền-ăng-sửa dạy chúng ; do đó, chúng sanh lớn và lại có chiu khinh rẻ nữa. Nhưng đều cần nhất, trong sự giáo dục bằng roi vọt hay bằng lời khuyên nhủ dạy dỗ ngọt bùi, kẻ làm cha mẹ nên tìm hiểu tâm-lý của mỗi đứa trẻ con. Và, khi nào cũng phải chú ý đến sự yêu cầu và khuynh-hướng của chúng để sửa sang phương-pháp giáo-dục cho hợp với cơ-cảm của nhi đồng.

Như vậy, không phải phí uổng công trình của mình trong sự đào luyện và cơ năng hoạt động của trẻ con do đó sẽ khỏi bị đình trệ hay bế tắc.

Chương trình giáo dục nhi-dồng thật bao la. Ta cần phải có nhiều quyển sách để nói đến một cách hoàn toàn xác đáng hơn.

Nhưng ở đây mực giấy có hạn ; vả lại, chúng tôi có thể trình bày một vài điều trong hệ trong một vài... chi tiết, tùy theo sở kiến của mình. Còn những điều kiện cốt yếu sâu xa gì nữa, chúng tôi xin nhường lại cho những bậc kiến thức thâm hiểu cả chiều sâu và chiều rộng để bổ trợ thêm cho được hoàn bị.

QUANG-PHONG

Vì sao ta

THÍCH ĐỌC TIỂU-THUYẾT

(Tiếp theo Đại-Việt số 37)

Lại còn chức vụ thứ hai. Trong đời thiết tể, phần đông chúng ta nhậ ra mình rất cô đơn. Chúng ta có những cử chỉ rụt rè, những hành vi lo sợ. Lớn lên, chúng ta cứ tưởng mình khác hẳn mọi người, thấy trời hơn mấy người khác. Rồi chúng ta lại cầu có một người anh lớn thấu hiểu nỗi lo âu của ta và nói với chúng ta :

— Anh hãy vững tâm. Chính tôi đây, tôi đã trải qua những nỗi ghê sợ như anh ; chính tôi đây, tôi đã run lên khi gặp một người đàn bà, khi vào trong một phòng đông người ; chính tôi đây, đã thấy cuộc đời là khổ, và tôi đã có lần muốn tự-tử. Và dần lại vào đây...

Nhưng thật ra, ta ít khi tìm được những tâm sự như vậy. Những người đàn ông, không muốn, hoặc không dám thổ lộ ra. Chúng ta ở cạnh nhau như những quân kỵ-mã bịt mắt, và chúng ta ít khi dỡ miếng sắt che mắt lên. Ta biết ai trong đời ? Những bậc làm mẹ cha thấu rõ nỗi con cái không ? Gần như không ! Còn mấy người con, biết được cha mẹ họ không ? Lại ít hơn nữa. Một người chồng và một người vợ có hiểu nhau không ? Một đời khi sau hai mươi năm, sau ba mươi năm, họ vẫn còn lấy làm lạ vì một câu nói bất ngờ, vì một cử chỉ buộc họ phải thốt : « Cối ! tôi không dè nhà tôi lại như vậy ! » Không, chúng ta không biết được ai hết. Những hạn tâm giao của ta cũng không nói với ta sự thiệt ở họ. Và họ sẽ làm sao ? Làm sao biết chắc một tình bạn sẽ bất tuyệt ? Làm sao không sợ những ảnh hưởng xấu của một tâm sự không dè dặt ?

Nhưng, giữa biết bao người ước mong được bình tĩnh nhưng lại nghi kỵ nhau, chỉ có nhà văn là dám phô bày tâm sự mà muốn người cầu mong. Tại sao nhà văn lại hay thổ lộ tâm tình hơn những người khác ? Vì chỉ nhà văn là làm được, không phải một cách trực tiếp, nhưng nhờ trung gian những nhân vật do người trình bày. Không phải Stendhal nói, nhưng là Julien Soul ; không phải Joan Tournegnew, nhưng là Dimitri Roudine ; không phải Tolstoi, nhưng là ông Hoàng André ; không phải

Flaubert, nhưng là Frédéric Moreau. Tác-giả có ảo ảnh là độc-giả sẽ không tìm thấy người qua mấy nhân vật. Tác-giả làm. Độc-giả (lát nữa chúng ta sẽ nói đến họ) lại tưởng thấy sự thật rõ rệt người viết truyện còn hơn cả sự thật của người trong đó ; nhưng dần dần, tác giả không thể biết được, hoặc người giả đó không biết. Do kỳ xảo ấy, tác-giả trở nên một người bạn tâm phúc toàn thể. Đó, một chức vụ thứ hai của tiểu-thuyết: nó làm ta vững tâm, vừa đem đến cho chúng hình ảnh cuộc đời một cách chân thật, xác đáng hơn những cuộc hội đàm của mọi người.

Ở đây, một dị luận hơi bạo có thể đứng riêng một nơi. Ta có thể nói : « Nhưng nếu người ta có sự nhu cầu ấy, vì thực tế thiên nhiên, là được vững lòng do những cuộc đời khác, tại sao không tìm sự hỗ trợ ấy trong những cuộc đời hiện tại hơn ? Như vậy ta càng chắc dạ, hơn là đi tìm biểu Byron, Lamartine, Mérimée, cũng từng có cảm giác như chúng ta. Người có thể ngai ngơ sự thiệt trong một nhân-vật tiểu thuyết và sự chân thật của những tình cảm gây cho nhân vật ; người ta không thể nghi-ngờ những hành-vi lịch-sử, những bức thơ hoặc quyền bút ký của một người tại chỗ. Cái « lý do tình dục », như ông Paul Bourget thường nói, được hấp thụ một cách dễ dàng do một tiểu sử hơn là một quyền truyện. Tiểu sử một người há không thể sao giữ vai xã-hội cần ích mà anh gán cho quyền tiểu-thuyết sao ? »

Và thật vậy, tôi sẵn sàng công nhận rằng lý luận ấy một phần lớn giải nghĩa sự thắng lợi của những truyện ký. Đều con người tìm kiếm trong cuộc đời, như ở mọi quyền trước tác của trí tưởng, là họ vậy. Quí bạn hẳn biết chuyện cổ điển về Lu'wig đi đến Nữu ước, và gặp ở thang máy nhà hàng ông trọ một anh gác đang xem quyền « Cuộc đời của Nữ-phá-Luân » (La vie de Napoléon). Ludwig hỏi :

— Cái này em thích lắm sao, cuốn cuộc đời của Nữ-phá-Luân này ?

Và người gác thang máy, trạc mười một hay mười hai tuổi, trả lời :

— Ồ ! phải, tôi thấy có hứng thú lắm, vì tôi, trong cuộc đời của người này, tôi hội tìm lại những nét của tánh tình tôi.

Chính tôi cũng gặp một cảnh tương tự như vậy trên một chiếc tàu xuyên Đại-tây-dương. Một hôm, một thủy-thủ đến nhờ tôi ký tên vào một quyền « Cuộc đời của Disraeli » (Vie de Disraeli) và tôi nói với anh :

— Cui, chính sách ngoại giao nước Anh, bà Hoàng Victoria, điều ấy không thể làm anh bưng thù lắm kia mà ?

Và anh trả lời với tôi :

— Thật vậy, chính sách ngoại giao nước Anh có lịch gì đâu ; đều làm tôi thú nhất là người này, ông Disraeli ấy : ông này lúc khởi đầu không có gì hết mà ông vẫn đi tới mọi mục đích. Vậy thôi tôi, tôi cũng khởi đầu không có gì, tôi tự nhủ, có lẽ tôi sẽ đến mọi mục đích.

Song, tôi vẫn tưởng rằng tiểu-sử có thể, nhưng không bằng tiểu thuyết, làm trọn hai chức vụ mà chúng ta đã giải nghĩa rõ ràng ở trên. Và vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất, những nhân vật tài ba trong tiểu-sử luôn luôn gần là những người lẻ ngoài. Quả vậy, một anh thợ trẻ hào danh, có thể tưởng tìm được lại những đức tánh của anh trong thời niên thiếu của Nã-phá-Luân ; nhưng trong một quyển tiểu thuyết mô-tả một người thợ hào danh, anh há chẳng tìm lại những đức tánh ấy một cách chắc chắn hay sao ?

Một Jeanne d'Arc, một nữ Thánh Thérèse thật quá khác xa những người đàn bà bình thường để thâm diện tâm hồn của họ ; những người ấy chỉ nêu cho họ một gương sáng, một kiểu mẫu chứ không phải một nguồn an ủi.

Lẽ thứ hai là, dầu chúng ta đã nói lúc vậy rằng, trong đời, ta không thể hiểu biết ai, thì trong lịch-sử ta không thể hiểu biết người nào hết. Những « con người » ở đời thật là một phức tạp không lường lượng.

Dầu ta hiệp họ lại do một sự giao hữu thân mật, do những lúc chuyện trò, hoặc như người ta thường làm trong mấy tiểu sử) do những thư từ, những ký-ức, ta chỉ thấy ở họ một số phiên phức vô tận và tâm trí sẽ hoài công khuang lầy một hình ảnh thật đúng. Trái lại, nhân vật của tiểu thuyết do tác-giả « xây đắp » lên ; hoàn thành do bàn tay người ta, nhân vật ấy chỉ chứa chất được những gì người ta có thể hiểu được thôi. Nhân vật ấy đem đến độc-giả một bình ảnh của một tâm hồn, có lẽ quá lược đồ, nhưng ít ra cũng rõ ràng minh bạch.

Vì những lẽ trên, chúng ta kết luận phần thứ nhất này rằng hết thấy mọi người đều có sự nhu cầu làm hoạt động đời họ, làm vững lòng họ bằng đọc những chuyện phiêu lưu tưởng tượng và chỉ có những hư-cấu ảo tưởng là có thể làm thỏa mãn nhu yếu ấy.

Bây giờ chúng ta hãy đến câu hỏi thứ hai : Những tiểu-thuyết ấy, ai sẽ viết cho chúng ta ?

Ở đây nữa, tôi đưa ra liền với các bạn một ưc thuyết, mà

chúng ta chờ thử lại bằng cách kiểm tra những tình trạng. Những người viết những thiên tiểu thuyết có lẽ là những người, mạnh hơn những kẻ khác, thấy sự cần thiết một hoạt động để thay đổi. « Một nhà văn, Valéry đã nói, tự thưởng lấy mình lúc nào hay lúc nấy, bằng một bất công của định mạng. » Một văn-sĩ gần như luôn luôn là một người ít sung sướng nhất.

- Người ta, quý bạn sẽ nói, có thể tìm những ví dụ dễ chứng nhận sự trái ngược. Vậy chúng ta đồng kiểm. Balzac phải chăng là một người sung sướng ? Thật không ! Balzac đã có một thời niên thiếu lo lắng và khổ khổ ; ra đời ở Paris bởi gia đình, không có lấy một xu ; người đã sống một cách nghèo nàn trong cái gác bần thiêu ; người đã nhìn ngang cửa sổ kinh-thành mình mong ấy nơi người sống một mình không ai biết đến người đã có lần tự hỏi một cách giận dữ : « Ta có thể chinh phục được nó chăng ? » Người đã nhìn, đã ước muốn những người đàn bà tuyệt đẹp, thật kiêu hãnh người gặp đi qua dưới đường hay trên xe hơi xuống ; người cảm thấy mình xa cách những người ấy do một hàng rào gần như không thể nào vượt qua nổi ; người tự hỏi : « Ta không thể nào biết được họ sao ? » Từ nỗi thông khổ ấy, từ sự khuất nhục ấy, từ sự đợi chờ nặng nhọc ấy, nảy ra ở người một nhân vật là chàng Rastignac. Và cũng bởi một hôm Balzac liền thách đố với Paris mà Rastignac về sau đã mang với sức mạnh dồi dào sự thách đố ấy ?

Stendhal phải chăng là một người buồn phước ? Chắc rằng không ! Stendhal muốn trở nên một viên Trung-uy trưởng trẻ đẹp. Người lại mập, người lại xấu. Người thật xứng với những chuyện mạo hiểm ái-tình lãng mạng nhất và cao quý nhất ; người lại bị loại về những chuyện hồ nhơ dung phạm. Thật ra, người tự thưởng lấy mình, Valéry nói thật đúng, bằng sự bất công này của định mạng là gán cho bà Renal và cô De La Mole vai nhân tình của Julien Sorel rồi sau dưới những nét của Fabrice hoặc Lucien Leuwen, sẽ trở nên con người mà Stendhal không bao giờ trở nên được.

Flaubert phải chăng là một người sung sướng ? Chắc rằng không ! người bị đầy phải trốn xã-hội, người sống trong cảnh cô tịch ở Croisset, gần như đơn chiếc, nhìn giòng sông trôi đều đều, người la lên những lời toàn mỹ để qua cuộc đời này : « Cần phải u sầu lắm, Flaubert nói, mới có xây đắp lại cả Carthage kia mà. » Cần phải u sầu lắm, mới viết nên « Bà Bovary » (Madame Bovary) hay là « Cảm tình giáo dục » (Education

continentale) !

Proust phải chăng là một người sung sướng ? Nếu Proust mạnh khỏe, có thể tiếp tục sống cuộc đời phong đăng thú vị, là thời buổi trai trẻ của người, thì có lẽ người không bao giờ tìm lại được « Thời đã mất » (Le temps perdu).

Và nếu, từ những văn-sĩ Pháp, chúng ta qua tới những văn-sĩ ngoại quốc, chúng ta cũng tìm lại những cảnh ngộ tương tự. Dickens phải chăng là một người sung sướng ? Không, người là một trong những đứa con khôn nạn nhất trong đời. Quý bạn hẳn biết, con một người cha lêu lổng bị cầm tù vì mắc nợ, thằng bé Dickens, lúc còn nhỏ đã phải nuôi cả gia đình, làm việc với một phương pháp hết sức dung phạm là dán nhãn ve chai !

Quý bạn cũng biết, từng cuộc sống ấy đối với y, một đứa trẻ khôn ngoan và háo hăng, là một si-nhục đau đớn lắm, nặng nề đến nỗi người không buồn thổ lộ với một ai, cả đến bạn thân Forster, cả đến vợ người nữa. Nhưng đứng ra, vì người không thể thổ lộ ra những điều ấy mà một hôm chúng vượt khỏi người như một vọt nước mạnh và không thể cản được, rồi ở chàng Dickens không dám tự thú và không ai buộc thú nhận được này sinh ra David Copperfield.

Và ta có thể phân tách một cách như trên với Tolstoi, xé đôi tâm tình giữa dục vọng và lòng tin ngưỡng ; Tourguenev phân vân giữa học thuyết Hamlet và học thuyết Don Quichotte. Chính vì họ ở trong cảnh thăng bằng không vững mà họ trở nên những bậc thiên tài. Quý bạn hãy xem xét những người, ở ngoài mặt, đã đi đến vài độ êm đềm. Một Anatole France, trong lúc tuổi trẻ, phải chăng là một tâm trí thăng bằng ? Xa lắm lắm. Tâm hồn bên trái, giọng văn bên mặt ông Thibaudet nói đúng thật. Và cả Goethe nữa, luôn luôn được coi như một gương sáng về điều hòa và trật tự do những người hiểu bấy nhà văn ấy, há chẳng vượt qua rất mạnh mẽ trong sự chiến đấu quyết liệt với những dục vọng trước khi đến trình độ điều hòa ấy sao ? Werther là một chứng cứ. Và nếu, từ những nhà văn của dĩ vãng, tôi quay lại những người tôi biết bây giờ, mấy bạn thân tôi, ở những người có một vài tài nghệ, tôi thấy, trong nguồn gốc cái tài ấy, một chiến đấu đờn đờ. Những tâm hồn luôn hoai tự mình giải thoát lấy.

(Còn tiếp)

B. N. T.

MÙA XUÂN VỚI TÂN-ĐÀ

« Tin xuân đến ngọn cây đào,

Báo cho hoa biết ra chào chúa Xuân ».

Đó là một câu thơ của Tân-Đà vậy.

Đối với mùa Xuân ngoài Bắc-ký, hai câu ấy vẽ ra tất cả cảnh ngày Xuân mới tới. Mùa Xuân ở ngoài Bắc, tức là cảnh hoa đào mới nở. Ở kinh-thành Hà-nội, gần Tết, có nhiều đường biến ra những ngọn suối đào, bởi vì những cảnh đào người ta bẻ đem đi bán rong, chen chúc nhau, kết thành màn che phủ ở trên đầu bọn người xôn xoe qua lại. Bởi vậy, nhà thi-sĩ mở đầu bài « Vui Xuân » bằng hai câu dẫn trên kia.

Bây giờ Xuân lại về đây, Xuân Giáp-thân đây mà Thi-bá Tân-Đà thì đã hóa ra người thiên-cổ. Giờ lại lặp văn của vị trich tiên ấy, chúng ta thử nhớ lại qua ciem của nhà thi-sĩ đối với ngày Xuân.

Ngày Xuân là ngày vui. Nhưng cái vui Xuân của nhà thi-sĩ, cũng khác cái vui của kẻ phàm tục. Tân-Đà vui Xuân như thế nào ? Chúng ta hãy ngắm lại bài này :

Tin Xuân đến ngọn cây đào,

Báo cho hoa biết ra chào chúa Xuân,

Mỗi năm Xuân đến mỗi lần,

Thiều quan chín chục xoay vẫn chẳng sai.

Ngày Xuân còn mãi không thôi,

Tuổi xuân ai dễ xanh rồi lại xanh ?

Đường mây những khách công danh,

Mây râu cụ lớn thay hình thanh-niên

Thành sẵn mấy ả Khâm-thiên,

Én oanh dẫn lối con thuyền Tâm-dương.

Làng văn chúng bạn văn-chương,

Bút hoa ạn tuyết, hơi sương mái đầu.

Tiều-thư ai đo tựa lầu

Thơ đào chưa vịnh, mai hân hỷ, ba.

Trời xanh, trời cũng khi già,

Xuân xanh xanh mãi đầu mùa, hỏi ai ?

Gặp Xuân ta hãy làm vui,

Kẻo nay Xuân đến, kẻo mai Xuân về.

Vui Xuân, rượu uống thơ đề.

(Tân-Đà vận văn tập III, nhà

Hương Sơn, Hà Nội xuất bản)

Khuyên người đời chớ nên bỏ uổng ngày xuân, bởi vì xuân đã đi không bao giờ trở lại. Ý kiến ấy cũng không có chi đặc sắc. Nhưng Tân-Đà sở dĩ là Tân-Đà, ấy bởi vì cái vui xuân của nhà thi-sĩ bao giờ cũng cùng đi với « rượu uống thơ đề ». Vui xuân uống rượu say, rồi nhả cái vui và cái say, để lại cho đời những bài thơ tuyệt tác: cuộc đời của Tân-Đà, nếu chỉ có như vậy, thì cũng đã vì những câu thơ tuyệt tác đó mà có đủ vẻ khiến cho chúng ta đời đời sùng bái. Nhưng mà tâm sự Tân-Đà đâu phải là chỉ có như vậy mà thôi.

Giở lại tập « Giác mộng con » là tập tiểu-thuyết ly kỳ mà Tân-Đà viết lúc đương còn niên-thiếu, tuổi chưa đầy ba mươi (năm ấy là năm 1916), chúng ta hãy đọc đoạn văn sau này:-

« Cùng hai người bạn thân, Lê-Trùng và Thu-Thủy, cùng chơi núi Sài-Sơn, lên chợ Giời. Ngó xuống chân núi thời lom lom đá mọc, hơn bờ huê cười, các người đi chơi xuân nổi như một giải như con rắn lượn lối đường-quanh. Trông ra bên giới thời: một ngàn mây bạc, mấy vệt rừng xanh, Giang-sơn một thú hữu tình, bức tranh xuân sắc như gần như xa... »

Lê-Trùng — Giời mỗi năm một lần xuân thì giang-sơn cũng mỗi năm cũng một lần xuân, thời trăm năm trăm lần xuân; nghìn, vạn, ức, triệu, hằng hà sa số năm, thời nghìn, vạn, ức, triệu, hằng hà sa số xuân. Mà tiếc cho thân thể con người ta, tuổi đã đi không bao giờ trở lại! Tóc đã bạc bao giờ lại xanh! Cho nên người đời xưa vui chơi non nước mà hay sinh một tấm cảm-tình, thời như chúng mình ngày nay, cũng sao được không có mỗi người một tư tưởng riêng.

Thu-Thủy. — Vui chơi non nước mà sinh một mối cảm-tình, thời dầu người đời xưa hay chúng ta, cũng chẳng qua cũng đem thân danh cùng giang-sơn cùng lưu truyền, thời cũng là một hững hờ chung của các người đi chơi trong lúc chơi thưởng thức thôi.

Lê-Trùng. — Giang-sơn to như thế, trông như hữu tình, mà thực là một vật vô tình, cho nên họ. Thân hình con người ta rất nhỏ mọn lại các cái lo, thương, phiền, náo, lẫn hội chuyển tiếp trong ngày đêm. Người đời xưa đem mong hai chữ lưu truyền là chỉ trông cậy vào hai chữ tài đức. Nhưng tôi thấy lắm người tài cũng không bền, đức cũng không bạc, mà

sau lúc thân đã khuất, thời tên tuổi sự nghiệp cũng mây tan đã chìm trong thế-gian ».

Những lời của Lê-Trùng và Thu-Thủy tức là ý-kiến của Tản-Đà mà nhà văn đã mượn lời hai người bạn lý-tưởng để phổ-gải ra. Rồi ta còn thấy Lê-Trùng và Thu-Thủy, trong khi cùng với Tản Đà bàn về câu chuyện ngày xuân mau qua, đời người thắm thoắt, cùng Tản-Đà cùng suy nghĩ đến phận sự của một người thông-minh. Cũng trong đoạn văn ấy, Thu-Thủy nói rằng :

« Giời đất có lúc bề dẫu, mà các người danh-nhân thực thiên-cổ ». Lê-Trùng lại nói thêm : « Con người ta ở đời nên nuôi cái tài sức, theo cái ý thú, để làm xong phận sự mình ». Khiến cho Tản-Đà kết luận rằng : « Người ta muốn làm xong một phận sự phải nhờ có tài ; tài phải nhờ có học ; học quyết không phải một ngọn đèn xanh, năm xe sách cũ là đủ ».

Bởi Tản-Đà nghĩ thế cho nên mới có cuộc du lịch mà « Giấc mộng con » là bài kỹ-sự. Du-lịch chỉ trong mộng, vì hoàn cảnh chưa dễ dãi cho người đời được tùy theo ý muốn mà được như bề rộng cá nhảy, trời cao chim bay.. Nhưng tuy du-lịch chỉ là một giấc mộng song sách « Giấc mộng con » đã kết luận bằng những câu khuyến khích của cô Chu Kiều-Oanh tặng nhà thi-sĩ :

« Xin kính khuyên cố-nhân thề nhận lấy bốn chữ : Trầm, nghị, cương, lĩnh, theo lấy câu đặng mũi chĩa sào : Ba-vì ngọn núi còn cao, Hắc-giang một giải biết bao nhiều nguồn ! « Sao cho nhân tâm phong tục được thuần chính, dân chí tư tưởng được khai minh, lại chức trách của ngòi bút đại văn gia trước phải đối đáp với xã-hội ».

Cứ những câu ấy đủ cho ta hiểu rõ tâm-sự Tản-Đà lắm thay ! Tản-Đà luôn luôn nặng lòng vì nơi giống giang sơn vậy.

*« Mưa xuân hồng / uc tưới mầu,
Bức tranh mưa gió riêng sầu lòng ai ?
Năm châu xa lắc đường dài,
Nước non biết có ai người đầu bình ! »*

Hai chữ « đầu bình » sau đó là lấy điển tích ở câu ca-đạo : « Hồi anh áo trắng mà đi đầu bình, có phải nhân tình thì đứng lại đây. » Câu ca đạo có vẻ mộc-mạc nhưng vì hai chữ « đầu bình », mà đã bao hàm cả cái quan niệm người nam-phù

ở đời phần nhiều so sánh như những khách chinh-phu ; quan-niệm ấy, các bạn làng « thơ mới » sau này thường hay diễn tả. Lại cũng vì hai chữ « đần bần » ấy mà bài « Xuân sâu » bỗng câu kết lại bằng một cười vui...

Dưới đây cũng là hai khúc « Xuân sâu » khác của Tân-Đà, mà nay ta có thể nói là Tân-Đà đã đặt theo điệu thơ mới, vì sự thực là Tân-Đà đã làm thơ mới nhiều lần, nhưng có khi viết như văn xuôi, không xuống giọng, khi viết ra thể thơ thì cũng không coi là một lối thơ riêng, chỉ công nhận đó là « biến thể » của thơ cũ :

« Tiếng quốc đã khan,

Ruột lăm thêm rối.

Ngày tháng như trôi năm chẳng đợi.

Thoi vánh tờ liễu dật sầu xuân.

Ngày tháng trái bao cuốn lịch ?

Nước non cách mấy dịp cầu ?

Xuân xanh xuân vẫn nguyên màu.

Đầu ranh ai đã bạc đầu chẳng ối ? »

Bởi đó nguyên lúc đầu Tân-Đà viết để kết câu một bài luận viết bằng văn xuôi của An-nam tạp chí. Còn một bài nữa cũng trích ở giữa bài văn xuôi ra như vậy mà cũng có ý « xuân sâu » như vậy, là bài này :

« Ròng tiền nói giống,

Hoa gấm giang san,

Con đường liễn thủ gian nan,

Đường xa nghĩ nỗi gian nan bao tình. »

Bài này khi chép lại, in ở tập « Tân-Đà văn tập » thứ III do nhà xuất-bản Hương-sơn Hanoi phát hành, thì hai chữ « Ròng tiền » in lầm là « Đồng tiền », « Đồng tiền nói giống » !!! Thật là vô nghĩa. Nhào tiền đây xin cải-chính.

Nhưng trời đã phó cho ai cái tâm-hồn thi-sĩ, thì càng nặng lòng về nợ non nước, lại càng thấy khát khao tìm kiếm chữ tình, mơ ước tri-âm, tợ-hồ như nếu có tri-âm, nên có giai nhân kiếm nữ học-giả như Kiều-Oanh ở sách « Giác mộng con », thì cái nợ nước non càng gánh cùng nhau, mà cái đường dài sẽ đỡ sợ chóng gai nữa. Bởi vậy, ngày xuân của Tân-Đà cũng là những ngày tư-tu của Tân-Đà. Tư-tu ai ?

« Nào biết ai thương mình mà mình cứ thương, nào biết ai nhớ mình mà mình cứ nhớ ; chẳng qua sẵn bụng thương thì

thương, thừa lòng nhớ thì nhớ ! » Đó là những lời thổ lộ ra trong bài « Bức thư cho người tình nhân không quen biết », in trong tập « Khổ tình con » năm 1915. Hơn mười lăm năm về sau lúc đứng chủ trương An-nam tạp chí, mỗi tương tư cũng vẫn còn như lúc thiếu thời, cho nên Tân-Đà đã có những bài « Ngày xuân tương-tư » như sau đây :

Trách cái tâm xoắn nhả mối tơ,
 Làm cho bối rối mối tương tư
 Sương mù mặt đất người theo
 mộng Vàng bạc trăm năm túi nặng thơ
 Nhận lảng chân trời kẻ đợi thư
 Lửa đốt lòng son câu thể sự,
 Nghìn dặm đắm quên tình lúc ấy,
 Gương soi tóc trắng nỗi sầu tư.
 Trăm năm còn nhớ truyện ngày
 xưa, Thuyền nan sóng đánh, lầu than
 hết.
 Tương tư một mối hai người biết.
 Dương cột giây buồm một sợi
 Ai đọc thư này đã biết chưa?
 tơ l ๐

Mỗi một Xuân về, thi sĩ thấy mái tóc thêm điểm trắng, món nợ đã tự nhận với non sông vẫn y nguyên chưa trả ít nhiều, thì cái nỗi sầu riêng lại càng cần phải mượn rượu làm khuây, ta hãy đọc hai bài sau này :

NĂM BẾT HỮU CẢM . NGÀY XUÂN THƠ RƯỢU

Đời người lo mãi biết bao thời? Trời đất sinh ta rượu với thơ.
Mãi tóc xanh xanh trắng hết rồi! Không thơ không rượu sống như
Sư nghiệp nghìn thu xa vút mắt. thơ :
Tài tình một gánh nặng bên vai. Công danh hai chữ mùi men nhạc
Hợp, tan, tri kỷ người trong mộng, Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ,
Rộng, hẹp, dung thân dưới đất. Mạch nước sông Đà tím róc rách,
trời. Ngàn mây non Tân mắt lơ mơ.
Sương phủ cảnh mai năm dục hết. Còn thơ, còn rượu, còn Xuân mãi,
Ngày Xuân con én lại đưa thời. Còn mãi Xuân còn rượu với thơ.

Nhưng cái nhăm của Tần-Đà là ở chỗ Tần-Đà tưởng là chưa trả nợ non sông chút đỉnh. Đó là thi sĩ quá khiêm cho nên nhăm như vậy. Kỳ thực, nhờ ngòi bút, tiếng thơ của nhà Lý-thái Bạch Việt-Nam, non sông chẳng đã được điểm tô thêm đó sao ? Bây giờ, những khúc hát Xuân như sau đây, ngoài tập thơ Tần-Đà, ta tìm đâu được thơ ca bay như vậy :

XUÂN (Mười nói)

Vẫn rượu thơ, non nước thú làm vui.

Gặp Xuân ta giữ, Xuân chơi
Cả thơ chén rượu là nơi ái vờ.

Đến Xuân nay, ta tuổi đã năm
mười.

Hết Xuân, cạn chén. Xuân về
Nghìn thu nét mực thơ để vẫn
Xuân ;

Tính trăm tuổi đời người ta, có
nữa.

Còn sau nữa, lại bao nhiêu Xuân
nữa.

Xuân ơi, Xuân hỏi !

Mặc trời cho ta chưa hỏi làm chi

Vắng Xuân lâu, ta những đợi,
chờ, mong.

Sầu rượu đau. Xuân uống với ta
đi,

Trải bao nhiêu ngày tháng, hạ,
thu, đông,

Chờ quen biết kẻ gì ai chủ khách

Rõ ràng nỗi nhớ nhung, Xuân có
biết ?

Thiên-cổ vị văn song Lý-Bạch,
Nhất niên hà đắc lượng Đông-

Khử tuế Xuân quy, sầu cũu biệt,

quân.

Kim niên Xuân đáo khánh tương
phùng.

Dầu trăm năm gặp gỡ đủ lần
lần

Gặp ta nay, Xuân chớ lạ lòng,

Thơ với rượu, cùng Xuân ta cứ
thể.

Tóc có khác, trong lòng ta chẳng
khác.

Ngoài trăm tuổi vắng ta trần thế,
Xuân nhớ ta chưa đề biết đã tìm?

Kể từ thuở biết Xuân bốn chín
năm về trước.

Cùng nhau ta hãy uống thêm.

Cái bộ say sưa của thi-sĩ là cái mặt nạ của con người bất
dắc chi. Lý-Bạch cũng cần rượu mà tiêu cái sầu vạn cổ, thì ai
cười Tân-Đà say rượu cũng là một bọn nông nổi, phù hiệu.

Cốt cách Tân-Đà vốn là cốt cách tiên ; lạc loài vào trần gian,
tự nhận lấy trách nhiệm về xã hội, Tân-Đà đã đau đớn nhưng
thi-sĩ vẫn có quyền tự cao như trong « Bài hát xuân tình » !

Ái ai quay tit địa cầu,

Lịch kỷ phong sương hà bất dị.

Đầu ai nữa trắng, pha màu xanh
xanh.

Quy lai hà nhạc ngã do liên.

Trông mình, mình lại ngỡ mình.

Cuộc trăm năm vương lãg mỗi
trần duyên

Dù kiếp trước th ên tiên nay cũng
lục.

TÂN-ĐÀ XUÂN SẮC

Đã trót hình hài trong dần đục.

Mấy mươi năm chẳng khác nước
cùng non

Giữ sao cho hòn ngọc lại Hàm-đan,

Cảnh còn nguyên người cũng lại
còn,

Muôn vạn nhờ tựa giang san.

Còn chẳng khác « khối tình con »
như trước nhỉ ?

Một ngày còn ở nhân gian ngại
ngùng.

Chưa Xuân có họ nhau cùng ?

Cả bài này lộ tâm sự rõ ràng nhất trong hai câu : « Đã trót
bình bát trong dần đục, Giữ sao cho hòn ngọc lại Hàm-đan ».

Tân-Đà quả đã vẹn lời tự nguyện ấy. Tân-Đà đã có quyền
tự đề bài thơ sau này về thân thế của mình :

Sông Đà núi Tần đăc nên ai, Bạc liên gió thoảng, thơ đầy tai ;
 Trần thế xưa nay được mấy người ! Danh lợi bèo trôi rượu nặng nai
 Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc ; Giáp tuổi trời sai tiên-nữ xuống
 Thanh cao phở trắng một cảnh mai. « Thiên-thư » đặc-cách cái xuân dài.

Bài « Xuân hưng » cũng biểu lộ ra một đời chút sự an ủi của thi-sĩ hàng vào áng văn thơ cổ minh đã trước thuật mà chắc rằng không đến nỗi chẳng lưu truyền lại được chút tình với non sông :

XUÂN HƯNG

Giáp- uất qua rồi, Ất hơi đây,
 Ngày đi như biển tháng như bay.
 Tháng ngày lay biển năm ra khác,
 Mà cái xuân tình chẳng đời thay

Nhất cao là núi Ba vi
 Cây cao nhất núi chẳng gì bằng
 Trұл bao xuân, hạ, thu, đông,
 Càng sương phủ trắng, cho từng
 càng xanh.
 Ngày xuân mới, cơ xanh, mùa xuân,
 Hối non xanh, cắt chén rượu đào
 Hương đưa mùi rượu ngọt ngào,
 Gió thông trên núi quạt vào hồn
 thơ

Mầm thơ out đáp từ xưa,
 Mười lăm năm mới bảy giờ ra
 hoa.
 Xuống ngọn bút, mưa sa gió táp.
 Vạch câu thơ, quỉ thảm thần kinh.
 Chứa Xuân nức nở bên mình :
 « Văn chương rất mực tại tình
 hỡi ai ! »
 Trông ra núi lớn sông dài,
 Ngó quanh, lại chỉ một người là
 ta.
 Nay vẫn bác Tần-Hà năm trước ?
 Phải xuân xanh thẽ ước non sông.
 Trái bao xuân, hạ, thu, đông,
 Càng pha mái tóc cho lòng càng
 son.
 Ước ao cùng nước cùng non.
 Trăm năm một khối tình con
 cùng gió.

Nói lại, áng văn thơ của Tần Đà, nếu chúng ta biết dùng thì sẽ đem cho ta rất nhiều tài liệu để nuôi dưỡng cái quốc-hồn Việt-Nam. Điều ấy có lẽ Tần-Đà cũng không ngờ, nhưng cái kết quả ấy đã do sự thành thực của thi-nhân yêu nước thương đời, lại do những công trình và cái tài quán-thể của thi-nhân dùng câu thơ câu văn tuyệt mỹ làm cho chúng ta phải yêu tiếng nước ta, yêu văn thơ nước ta, và yêu hết những phong-cảnh, tình-cảm, ý-tưởng mà thi-nhân đã gói vào văn thơ, vào điệu văn. Nay trước Xuân mới, phở đến Tần-Đà, thì chúng ta nên đọc lại nhất là hai bài sau này của thi sĩ riêng để lắng nghe ngày xuân của chúng ta.

**NGÀY XUÂN CHỨC
QUỐC DÂN**

Trời Nam cảnh là ta đã
Nặng lòng cỏi củ Xuân già cặm
Xuân.
Ngày Xuân chúc nước mừng dân,
Ba kỳ Nam Bắc, mười phần phủ
cường.
Bình-tỷ hội nguyên kim dĩ thủy.
Mười sơn hà củ kỷ bốn nghìn năm
Đường văn minh muôn dặm xa
xăm
Đông Tây Bắc người Nam cao
cất bước.

Cuộc trần hoàn dẫu bề, bề dẫu;
Đường văn minh nào có hẹn ai
dẫu?

Muốn hạnh phúc chữ « cơ cầu »
ta phải biết,

Hồng lạc nhi tôn thiên vạn tuyệt;
Việt thường hoa thảo nhất cao tâm
Chén rượu đào nằng rơi buổi
ngày xuân

Chúc Tổ-quốc, quốc dân nghìn
vạn kỷ.

Bình tỷ hội nguyên kim dĩ thủy
Mười sơn hà củ kỷ bốn nghìn năm
Năm, năm, xuân mới trời Nam.

(Trích ở « Tân-Đà vậ vắn »
tập III Hương sơn xuất bản).

BÀI HÁT CHỨC SỐNG

Dân hai trăm triệu đồng-bào,
Giang sơn Hồng - Lạc phong
tráo Á - Âu.
Trời Nam xuân mới kh. e mầu,
Xin đem chữ sống lam dân chúc
mong.
Lo nói thương giống,
Chẳng gì hơn cái « sống » giữ
đầu tiên.
Cò cùng nhau đất dưới trời trên,
Rồi hãy nói đua chen Âu với Á.

Trời không chia một rợ với văn
minh.

Sống hay chẳng thời cũng tự
minh.

Lẽ thiên diên công bình cho khắp
chúng.

Hồng lạc nhi tôn kim hữu chúng;
Bất tri thứ hậu cảnh hà như.

Tinh năm sinh nay đã bốn nghìn
dư,

Bước tiến hòa lữ đừ sau mọi kẻ.
Đời là thế, chúng ta như thế thế.

Kiểm chân xa ngong vũ đài,
Muốn tránh chết, phải chen vai
vào chỗ sống !

Ham chữ sinh lộn câu hạnh phúc,
Tìm nơi lạc thổ chốn đào nguyên.
Chúc mong nói giống Rồng Tiên ».

(Bài này trong bản in Hương
sơn « Tân-Đà vậ vắn » tập III
ở trang 88-89 có in nhưng
sai nhiều chữ)

Nồi ngu hèn ai đã biết hay chưa?
Cuộc doanh hoàn, gió gió mưa
mưa.
Ngẫm lịch - sử nghìn xưa âu
đáng sợ !
Nên nhớ chữ « Tự trợ giả thiên
thường trợ ».

Những ước chúc mong của nhà thi-tử nên sự thực hay
chẳng đó một phần lớn chẳng ở tại chúng ta thì tại ai ?

Coi đó đủ rõ đọc thơ « Xuân » của Tân-Đà không phải chỉ
là một cái thú chơi mà thôi vậy. **NGUYỄN-TIẾN-LÀNG**

RỪNG VÀNG

CỦA CON TÔI

(Tiếp theo Đại-Việt số 33)

CHƯƠNG THỨ XI

CHỦ-NGHĨA TU THÂN

CON người ta sanh ở trong đời, giao thiệp chẳng phải một người, tiếp ứng chẳng phải một việc, gần thì gia đình tôn-tộc, xa thì xã-hội quốc-gia, đứng giữa là thân mình, « trăm đầu đồ cả đầu tâm », vậy thân mình là cái gốc giao-thiệp mọi người tiếp-ứng mọi việc. Ông Mạnh-Tử nói : « Cái gốc của thiên-hạ ở nước, cái gốc của nước ở nhà, cái gốc của nhà ở thân mình ». Nếu thân mình chẳng phải là người đứng đắn có đủ đức đủ tài thì lấy chi làm gốc dãi người xử việc, trong đời với gia đình tôn-tộc, ngoài đời với xã-hội quốc-gia ? Mà nếu cái gốc tệ-xiêu chắc không có lẽ đứng đưng được ngon. Cho nên điều-mục học-vấn trong sách Đại-học suy ngược công-phu thì nói : « Đời xưa cái kẻ muốn giải-tò đức sáng ở thiên-hạ, trước hết sửa trị nước của mình, cái kẻ muốn sửa trị nước của mình, trước hết tề chỉnh nhà của mình ; cái kẻ muốn tề chỉnh nhà của mình, trước hết sửa sang thân của mình ; kẻ xuôi hiện quả thì rằng : « Thân mình sửa sang rồi, sau nhà mình mới chỉnh tề ; nhà mình chỉnh tề rồi, sau nước mình mới trị an ; nước mình trị an rồi, sau thiên hạ mới bình định ».

Coi như nghĩa đó, thì con người ta đứng giữa nhà, nước và thiên hạ, đem cái thân mà đối đãi với mọi người, mọi việc trong nhà, trong nước và trong thiên hạ, lo làm sao cho đủ có tư cách, thì thật rất khó ; cho nên cần phải tu thân.

Kinh Đạo Đức của Lão-thị nói rằng : « Ta có sự lo lớn, vì ta có thân ». Lo gì ? Lo làm sao mà tu cho trở nên cái thân có giá trị.

Kinh Niết Bàn của Thích-thị nói rằng : « Hết thấy chúng sanh hề có thân là có khổ ». Sao khổ ? Khổ vì có thân mà không tu, thì thành cái thân khổ não, lạc vô biên trầm-luân.

Vì khổ, vì lo, cho nên sách Đại-học của Nho-giáo cũng nói rằng : « Từ ông vua cho chí kẻ dân, hết thấy đều lấy tu thân làm gốc ».

Ngẫm như những lời ấy, thì phạm còn người ta sanh ra ở đời, chẳng cứ người sang cũng kẻ hèn, người lớn cũng kẻ nhỏ, lẽ có thân là phải tu hết thấy. Song cái tiết-mục tu thân thì rất phiền-phức, phạm đối với những sự vật chỉ trực tiếp hay là gián tiếp với thân mình, là mình đều phải tư cho hết. Vậy trước khi phân giải ra các tiết-mục, ta hãy phải tìm kiếm ra cái cương-lĩnh làm nghĩa cốt-yếu mà định phương-châm, để theo mục-dịch đó mà tu, mới hòng khỏi phạm lầm về nhiều đường lầm ngã.

Tôi thường đọc tập văn của ông Lương-khai-Siêu Trung-quốc, kiếm trong bài diễn thuyết tại trường học Thanh-Hoa được ba nghĩa cốt yếu : một là nghĩa cốt yếu làm người, hai là nghĩa cốt yếu làm việc, ba là nghĩa cốt yếu học văn. Nay lược-thuật và phụ-diễn ra ý nghĩa, để chỉ cho học-giã làm mục-dịch tu thân.

1. Nghĩa cốt-yếu làm người. — Nghĩa cốt-yếu làm người thì trong các sách triết-học của các tôn-giáo xưa nay giáo-huấn rất tương, duy muốn kiếm một lời bao quát đề bần ra, thì bốn chữ « *Phân tĩnh khắc kỷ* », là nghĩa cốt yếu. *Phân tĩnh* là xét trở lại mình, *khắc kỷ* là khước bỏ những lòng dục-vọng bầy bề của mình đi. Cái kết-quả *phân tĩnh* tức là nơi người ta với cảm-thú bởi đó mà phân biệt ra vậy. Sự tác-dụng về sanh-lý thì người ta với loài vật chẳng khác gì nhau, như đói mà muốn ăn, khát mà muốn uống, nóng mà muốn ngủ, mỏi mà muốn nằm ; phạm loài động-vật có huyết-khí không chỉ chẳng vậy. Nhưng cảm-thú thì toàn về sanh-lý xung-đột nó sai khiến đi ; còn người ta thì ở lúc sanh lý xung-đột hằng biết suy nghĩ lấy lẽ phải, đó là *phân tĩnh*.

Phân tĩnh mà thấy có nơi chẳng đáng, thì toàn thúc cái lòng dục vọng của mình lại, đó là *khắc kỷ*. Thí dụ như dương tức lửa đói đói ruột, mà thấy có thức ăn bày ra ở trước mặt, cảm-thú thì nó chẳng nói là vật ở đâu lại, bèn chụp lấy mà ăn liền. Người ta thì chẳng thế, vật chẳng phải của mình vẫn chẳng cướp giật lấy, mà dầu cho quyền sở hữu thuộc về phần mình đi nữa, cũng nghĩ mà chia sẻ cho người có tình hay là người đồng-bình với mình ; ấy, đạo đức bởi đó mà sanh ra vậy. Sách Luận Ngữ nói : « Ta hằng xét mình ta ba điều », là tỏ ý *phân tĩnh* đó. Phạm điều gì nghĩ rồi hãy nói, việc gì nghĩ rồi hãy làm, ấy là gốc lớn lập thân quan-kien tại nơi đó vậy.

Loài người ta mà sở dĩ được làm giống thiêng liêng trong muôn loài vật, là vì có đủ cái môn năng lực ấy ; duy cần phải

nghĩ cách để phát đạt nó ra mà thôi. Cái đó to hồ dễ dàng, mà thật rất khó khăn, số ta phải cẩn thận ngay từ lúc ban đầu mới được. Cái kẻ hay đem sự cử động chẳng thành thật đối người để khỏi chỉ mình hay là bán vắn bán dài sự người ta, truyền bá ra để làm, mỗi câu chuyện; đó đều là căn tánh xấu của loài người trừ ra bậc thánh hiền, chẳng mấy ai không có. Nếu phông từng mà chẳng tự khước bỏ đi cái căn tánh xấu ấy, liền thành thói quen, lần lần đến tự trong lòng mình không có chủ trương rồi nữa truy lạc chẳng biết lời đâu là giới hạn. Cho nên xưa nay thánh hiền lập giáo, chẳng qua sửa chữa cái căn tánh xấu của người ta cho khỏi thành thói quen mà thôi. Chỉ vì con người ta chẳng biết xét mình, mà để căn tánh xấu đó đã thành thói quen, thì dần có thấy sáng bậu hiểu, cũng chẳng giúp ích cho mình được nữa.

Con người ta đương thuở đầu xanh tuổi trẻ, là cái thời-kỳ rất có hy-vọng, mà cũng là thời-kỳ rất nên nhiễm n:heo. Đại để là lúc trong tuổi mười lăm hai mươi, là cái quan-đầu rất lớn suốt đời, phải nên gìn giữ cẩn thận, để phát đạt cái tánh bốn-năng của lương tâm, khiến cho lương tâm phân phối ra chi-thể, là tai, mắt, tay, chân và miệng, bụng; dùng để cho chi-thể nó đem mệnh lực thuận tiện phân-phối lương tâm mình. Có việc chi xảy ra nên làm cũng chẳng, phải bởi lương-tâm, cái mạng-lệnh đề nhứt của lương tâm tất là chọn lý, phải nên phục tùng vô đo. Nếu còn lương lý tại cái dục-vọng của chi-thể nó đem chủ ý thuận-tiện mà phát bày ra mạng-lệnh, kết quả sẽ có sự lầm to.

Nói ví-dụ như mình chịu lời thúc thạc của người ta giữ gìn một số tiền, cái mạng lệnh ban đầu của lương tâm ắt bảo mình rằng : « Ta phải làm hết trách nhiệm của ta, dùng để phụ lòng tin cậy của người » Ấy là mạng lệnh chánh đáng vậy. Nếu không phục tùng cái mạng lệnh ấy, thì cái dục vọng của miệng và bụng ắt bảo mình rằng : « Thuở nay ta khao khát đã lâu, hiện giờ đã có món tiền đây, ta đại chi chẳng đem lên cao lầu ăn chơi một bữa » ; và cái dục-vọng của tai và mắt ắt bảo mình rằng : « Thuở nay ta hiếu quanh đã mãi, hiện giờ sẵn có món tiền đó, ta đại chi chẳng đem vô ca quan hát chơi một chiều ».

Như vậy thì tánh bốn năng của vật dục nó che-lấp đi hết rỏ, việc nhỏ như vậy, việc lớn chi mà chẳng như vậy ; rồi đó thành cái thói hư-bậy suốt đời. Ấy nơi lịch-sử của kẻ tiền-nhơn, bởi vậy mà dễ tiếng xấu ngàn thu ; mà nguyên cái mạng-lệnh ban đầu của lương-tâm nó chắc không như vậy. Đó mới

hay chữ-thẻ của thân người ta cốt ở lương-âm, từ lúc tuổi nhỏ nên dưỡng thành cái quyền độc-lập cho lương-âm, đừng để nó làm nô-lệ cho chi-thẻ. Trán mình làm nô-lệ cho kẻ khác, hoặc còn chưa được; chớ tự mình làm nô-lệ cho chi-thẻ của mình, thì chẳng chữa lại được đâu. Vậy muốn tu thân cho trở nên như cách hoàn toàn, trước hết nên phẫu-tính khắc kỷ.

(Còn tiếp)

MỸ-ÂM TRƯƠNG VINH TỔNG

ĐẠI VIỆT TẬP CHÍ

Số tới xuất bản ngày 25 Mai 1944
và gồm hai số 39-40 sẽ là số đặc-biệt

Vườn xưa ghé mắt

của

Biều - Chánh HỒ-VĂN-TRUNG

soạn

phụ thêm

Đoạn Tình (tiểu thuyết)

(tiếp theo) của HỒ BIỀU-CHÁNH

ĐOÀN TÌNH

= TIỂU-THUYẾT của HỒ BIỂU-CHÂN =

(Tiếp theo Đại-Việt số 37)

I V

BỐN giờ rưỡi chiều, mặt trời trịch xuống khuất ngon cây, hết dọi nắng vào vườn hoa nữa. Gió chương thời rao rao xô lá cây lúc lắc, lại đưa hơi nóng hồi trưa đi mất hết.

Cô Hòa mời cô Vân ra trước sân mà xem cây trôn, nhứt là thường hoa nở chơi cho mát. Hai cô dắt nhau đi dài theo mấy liếp bông, lúc cúi xuống hửi bông hương vừa ướm nở, khi đứng trảo trở bông cầm-nhung tươi tốt. Mùi hoa pha lộn với mùi thơm của hai cô làm cho không khí nhẹ nhàn. Màu hoa chiều với sắc đẹp của hai cô, làm cho quang cảnh rực rỡ.

Đi tới cây xoài lớn dựa rào, hai cô bèn ngồi tại cái bần dưới gốc xoài, day mặt vô nhà. Trước mặt một sân hoa nở đủ các màu pha lộn nhau. Ngó xa vô nữa thì một tòa nhà nguy nga đẹp đẽ. Cô Vân nhắm cảnh một hồi, cô sanh cảm trong lòng, nên cô day qua nói với bạn : « Chị có phước lắm. Tôi thấy chị được như vậy thiệt tôi mừng không biết chữ gì nào. Người ta nói mấy ông học bên Tây, nếu họ về xứ mà họ lập gia thất, là chủ ý kiếm tiền cho nhiều đặng ăn chơi cho sung sướng. Anh Thuần không có ý đó, anh lập gia thất đặng lo làm ăn, làm ăn cho có tiền đặng bồi đắp nền hạnh phúc cho vợ con hưởng. Đàn bà con gái có chồng như vậy thì phải nguyện rồi. Tôi mừng cho chị lắm ».

Cô Hòa châu mày lặng thinh một chút rồi thững-thẳng đáp :

— Ở đời chẳng có hạnh-phước nào mà được hoàn toàn bao giờ, bề đặng cái này thì mất cái kia,,

— Chị khó quá ! Vậy chớ chị còn muốn thế nào nữa mới gọi là hoàn toàn hạnh-phước ?

— Tôi có muốn chi đâu ? Thế nào tôi cũng bằng lòng hết thấy... Nhưng mà tôi nghĩ hạnh-phước gia-dình ở chỗ nào, chớ không phải nhờ nhà đẹp, xe tốt, ăn mặc sung-sướng, bạc tiền chời chở, mà gây ra được. Có người họ lấy chồng rồi ở trong một cái chòi tranh mà họ còn vui-vẻ hơn tôi nhiều.

Nghe mấy lời ấy cô Vân lấy làm lạ nên ngó chừng bạn rồi hỏi nhỏ-nhỏ :

— Anh Tuấn không thương chị hay sao ?

— Thương chứ, vợ chồng ở với nhau hơn 5 năm đã có con có cái, sao lại không thương.

— Vậy thì sao chị lại nói hơi như chị hiền anh ? Ành có khinh rẽ chị hay không ?

— Không, trong tôi lắm chứ.

— A, nếu vậy thì tôi không hiểu ý chị rồi.

— Để thông-thắng rồi tôi sẽ nói việc nhà của tôi cho chị hiểu.

— Được. Mà tôi muốn hiểu liền bây giờ, bởi vì tôi thương chị như ruột thịt, nếu chị buồn tôi chịu không được.

— Không, tôi chưa đến nỗi buồn... Tôi mới không được vui mà thôi.

— Không vui, thì là buồn chứ gì.

Cô Hoà chồm chồm cười, rồi không muốn nói việc riêng của mình nữa, nên xây câu chuyện mà hỏi cô Vân : « Chị thi đậu về nhà đã 2 năm rồi, sao chị chưa chịu lấy chồng ? »

Cô Vân cười ngất mà đáp :

— Chồng không chịu cưới thì tôi làm sao mà lấy chồng được ?

— Sao mà chồng không chịu cưới ?

— Họ không chịu cưới nghĩa là không chịu cưới chứ có sao đâu.

— Chị nói khó hiểu quá. Chị cứ diễn cợt hoài, nói rõ cho tôi nghe coi mà.

— Tâm sự của chị thì chị muốn giấu, chị không chịu nói thiệt cho tôi biết, sao chị lại ép tôi phải nói tâm sự của tôi cho chị nghe ? Chị nói thiệt chuyện của chị trước đi, rồi tôi sẽ nói chuyện của tôi.

— Chuyện của tôi nhỏ mọn, không có gì đáng nghe. Chuyện của chị là chuyện quan trọng, chị phải nói trước.

— Có gì đâu mà quan trọng ?

— Chồng nói rồi nó hời, nó không thèm cưới, chuyện như vậy mà chị nói không quan trọng, vậy chờ còn đợi sao nữa ?

— Quan trọng lắm hay sao ? Tôi cho là việc nhỏ mọn, tôi không để ý chút nào hết. Chị muốn biết thì tôi nói cho chị biết... Trong làng của tôi có một vị Hương-chức có ít mẫu ruộng, cây cấy đủ ăn, chứ không phải nhà giàu. Nhưng mà ông có một người con trai, tên Toán, học giỏi, mới 20 tuổi thì đã thi đậu bằng Tú-tại, trong làng ai cũng khen ngợi. Toán muốn đi qua

Tây má học thêm nữa, ngặt vì cha mẹ không đủ sức chịu tổn hao, nên Toán huân lăm. Lúc ấy tôi mới 19 tuổi, đương học trên Saigon. Má tôi nghe chuyện Toán muốn đi học nữa mà không tiền, thì mời cha mẹ Toán xuống nhà hỏi thăm, rồi nói nếu hai ông bà hứa làm sui thì má tôi sẽ ra tiền cho Toán đi học, chừng nào thành danh trở về rồi sẽ làm lễ cưới tôi. Hai ông bà mừng, nên hứa làm sui liền.

Cách ít ngày, nhưn dịp lễ nghỉ học, tôi về thăm nhà. Má tôi cho cha mẹ Toán hay, rồi hai ông bà dắt Toán xuống nhà tôi dựng cho tôi với Toán biết nhau. Trong ít bữa sau đó, má tôi đưa một ngàn đồng bạc cho Toán đi Tây. Từ ngày ra đi, mỗi tháng Toán đều có gửi một bức thư về má thăm má tôi và thăm tôi, thư gửi ngay cho má tôi, và viết thư cũng kêu má tôi hằng má, như con rể vậy. Toán học y-khoa, mỗi bức thư đều nói sự học chi má tôi biết. Má tôi thương Toán lung lăm, hễ tôi về nhà thì má tôi đưa hết thư của Toán cho tôi coi, rồi khen ngợi Toán và khuyên tôi phải rán má học cho giỏi, rán tập rèn công ngôn dung hạnh. Đáng ngày sau làm vợ một vị Đốc tơ cho xứng đáng.

Trong 5 năm trường hề vài ba tháng thì má tôi đưa 300 đồng bạc cho ông già Toánặng gửi qua Tây cho Toán ăn học. Năm ngoài Toán gửi thư về nói đã thi đậu bằng Đốc-tơ được rồi, song còn phải rán ở học thêm một năm nữa, học chuyên môn về bịnh con nít. Má tôi lấy làm vui lòng, nên cũng cứ đưa bạc đặng gửi cho Toán boai. Thành linh hôm tháng chạp năm ngoài, ông già Toán xuống nhà đưa một bức thư của Toán cho má tôi coi; trong thư Toán nói vì lỡ thương một cô đầm, ăn ở với nhau đã được một mặt con, không thể rút được, nên cậy cha mẹ xin lỗi giùm với má tôi và khuyên tôi đừng trông đợi, bởi vì Toán không thể về cưới tôi được!

Cô Hòa nghe thuật chuyện tôi đó thì có nỗi giận, dẫu lòng không được, cô vụt nói: « Người gì mà vong ân bội nghĩa quá như vậy? ».

Cô Vân vỗ vai cô Hòa mà cười và đáp:

— Người Annam chớ người gì... Người thanh-niên trí thức đời nay đó đa chi.

— Khốn nạn, khốn nạn lắm, không có luân-ý gì hết! Thuật chuyện như vậy mà chi cười được, thiệt tôi không hiểu chi là người gì!

— Tôi cũng là người Annam chớ người gì?

— Sao chi không biết giận?

— Giận ai ? Giận Toán hay là giận người Toán yêu ?

— Giận hết thấy.

— Chị nóng nảy quá. Trai họ có cái óc mới, thì mình là gái mình cũng phải có cái óc mới như họ vậy chứ, giận làm chi. Tôi cười, chứ tôi không giận. Chị nghĩ cho kỹ mà coi, Toán rề : tập theo cách giáo dục kiểm ăn, thì tự nhiên trí não tánh tình như vậy, có lạ gì. Mình có giận, thì giận cách giáo dục kiểm ăn đó, chứ không nên giận Toán. Còn người Toán yêu và yêu Toán đó, thì họ có biết mình đâu mà mình phiền họ.

— Người ta giết chồng chị, mà chị nói nghe như chơi...

— Chớ chị hiểu tôi phải khóc, phải la hay sao ?

— Phải làm sao chứ đề em sao được.

— Người ta không cười thì thôi, chớ làm sao bây giờ ? Tôi chắc tại tôi không có duyên nợ với Toán, nên trời khiến như vậy đó đa chị. Mà tôi khỏi kết duyên với Toán, có lẽ đó là cái may của tôi, biết chừng đâu.

Cô Hoà ngồi trầm ngâm suy nghĩ một hồi rồi nói : « Tôi hiểu rồi, mất chồng mà chị không tức giận, ấy là tại chị không có tình với Toán, chớ không phải tại duyên nợ hay là tại cơ nọ khác, phải hôn ? »

Cô Vân gặc đầu đáp : « Có lẽ chị nói đúng ».

Cô Hoà với lấy một nhánh cây khô cầm mà vẽ trên cát rồi hỏi tiếp :

— Bây giờ chị tính lẽ nào ? Thôi, lấy chồng khác phứt đi, kéo họ tương hệ họ không cưới thì chị ế chồng.

— Chồng ở đâu mà lấy ? Mà lấy chồng có ích gì hay sao, nên chị khuyên tôi phải lấy chồng ? Lẽ trời và tục người đều buộc con gái lớn lên thì phải lấy chồng. Tôi đã vâng theo lẽ trời và tục người rồi ; nếu người ta không cưới tôi thì lỗi tại người ta, chứ không phải tại tôi. Trá nợ hồng trần theo phận gái đã xong rồi, bây giờ tôi được thông-thả mà học đờn học vẽ lập làm thi chơi, kuối lo phải làm mọi người ta nữa, thì tôi vui lắm vậy.

— Chị nói như vậy mà tôi chắc bề nào rồi đây chị cũng phải lấy chồng. Chị ưa đờn, ưa vẽ, ưa ngâm thi, tự nhiên chị sẵn có cái tâm hồn lãng-mạng. Hễ lãng-mạng thì dễ cảm ái-tình. Tôi đoán chắc rồi đây chị sẽ bị ái-tình lôi cuốn, rồi đâu chị không muốn chị cũng phải có chồng !

— Từở nay tôi chưa biết ái-tình là cái gì ; mà đâu tình ấy có phát ra, tôi cũng kiểm thế xa lánh, chớ tôi không cho nó làm lụy cái tự-do của tôi.

— Chi không chịu lấy chồng mà sao chi thấy tôi có chồng có con, chi lại khen tôi có phước?

— Tại ý chi khác hơn ý tôi; cái thích gia đình hơn tự do. Nay chi được hưởng gia thất đầm ấm, thì tôi mir g cho chi chớ sao. À, hồi nãy tôi khen chi có hạnh phước gia-đình thì chi nói hạnh-phước ấy không hoàn toàn, tại sao vậy? Tôi tò tâm sự của tôi rồi, bây giờ chi phải nói việc nhà của chi cho tôi nghe một chút.

— Việc của tôi khó nói ra được... Mà việc cũng không đáng nói, nên chi chẳng cần biết làm chi.

— Chi cứ giấu hoài! Chuyện tuy không đáng nói, mà tôi muốn nghe, vậy chi phải nói... Anh chơi bời, anh mèo chuột, nên chi ghen chớ gì, phải như vậy không?

Cô Hoà cúi đầu lặng thinh không chịu đáp.

Cô Vân chưa chắc lời mình nói đã trúng ý bạn, cô muốn dò lòng thêm nữa, nên cô nói tiếp: « Đời này đàn-ông họ rộ g đường ghao thiệp, như là học tri-thức có anh em nhiều, đâu không muốn chơi bời mà cũng phải ép lòng đi chơi với anh em. Làm đàn bà chẳng nên cố chấp thái quá; phải để cho chồng thông-thả, miễn họ giữ trọn dạ làm chồng thì thôi. Tôi tưởng vợ chồng nếu người này có quấy chút đỉnh, người kia phải nhấm nuốt, đừng thêm uố, thì gia-đạo mới hòa thuận vững bền ».

Cô Hòa chau mày mà nói: « Chi chưa có chồng, chi không hiểu tình vợ chồng là thế nào, nên chi mới nói dễ như chuyện chơi. Để chừng chi có chồng rồi chi sẽ biết. Có nhiều cái nó làm cho mình muốn điên, muốn chết lặn đa chi ».

Bây giờ cô Vân biết mình đã rờ nhấm chỗ đau của bạn rồi, bởi vậy cô cười ngất mà hỏi:

— Chi ghen lắm hả? Chi bị chứng bệnh ghen hèn chi chi không vui. Mà chi biết chắc anh có vợ hé hay là anh mèo ở đâu hay không mà chi ghen?

— Nếu tôi biết thì tôi đã phân thảy nó liền, tôi có để yên đâu mà nói.

— Chi không biết mà chi ghen nổi gì!

— Bởi không biết nên mới tức chớ.

— Nếu chi không biết thì phải lập thế dặng biết, rồi chi ghen mới có cơ chớ. Tôi khuyên chi đừng nói chi hết, chi cứ vui vẻ như thường mà dò dẫm. Chừng nào chi biết chắc anh có tình với ai rồi, chi sẽ to nhỏ mà khuyên lơn anh. Theo con mắt tôi thấy, thì anh là người biết trọng gia-đình, chớ không phải

là người hoang-dàng. Nếu rồi ảnh có lỡ đi chơi nhăm đường quấy, chị em ái mà cắt nghĩa cho ảnh nghe, tôi chắc ảnh sẽ bỏ liền, chị chẳng cần phải ôm ấp sự phiền não trong lòng tâm trí

— Hề tôi nhớ tới sự đó, thì tôi bức-tức sùng-sục trong lòng, không vui được thì làm sao mà êm-ái.

— Mà cử chỉ của ảnh thế nào nên chị ghen như vậy ?

— Tôi nói thiệt với chị ở nhà tôi đối với mẹ con tôi thì đúng lắm, tôi không có chỗ nào mà trách được. Tôi phiền có một điều là cứ đi hoài, bỏ mẹ con tôi tiu-hiu ở nhà như vãi giữ chùa, đi tối ngày, có khi còn đi thăm tới ban đêm nữa. Tôi buồn là buồn chỗ đó.

— Ảnh lèm Chủ-hăng, tự nhiên ảnh phải bồn thần quản suốt. Nếu ảnh lo-mơ ở nhà hoài, không xem xét việc trông hăng, thì cuộc làm ăn hư hại còn gì. Chị trách ảnh về khoảng đó tôi e quá đáng.

— Nói ra ngoài hăng mà tôi có biết ra đó hay là đi đâu ?

— Chị nghi quá như vậy sao được. Vợ chồng phải tin bụng nhau thì ở đời với nhau mới được chớ.

— Tôi biết bụng tôi, chớ làm sao tôi biết bụng ở nhà tôi được mà tin.

—Ồ ! Cái nhiệt độ về sự ghen của chị cao quá ! Chị phải nguội bớt, chị phải dãn xuống chớ.

— Tôi dãn hết sức đa chị. Nếu tôi không dãn thì có còn vợ chồng gì nữa đâu. Như hồi trưa mình ghé ngoài hăng đó, chị thấy hay không ?

— Thấy việc gì ?

— Hồi hai chị em mình xô cửa vô phòng làm việc của ở nhà tôi đó, chị không thấy giống gì hay sao ? Có cou đánh máy nó ở trong phòng với ở nhà tôi đó.

— Người phụ sự đem đồ vô cho chữ ký tên, ấy là sự thường, có lạ gì đâu.

— Mướn người phụ sự mà mướn đàn-bà con gái chị vậy, thiếu gì mấy thầy sao không mướn ?

— Cha chã ! Chị ghen tới kể phụ sự của ảnh à ? Chị đề ý tới chỗ đó tôi sợ nhẹ danh giá cho ảnh

— Chỗ nào tôi cũng đề ý, mà dầu ai tôi cũng ghen hết thấy. Người giúp việc thì mướn con gái, trong phòng làm việc lại có sầm ghế canapé, làm như vậy biểu đừng nổi xung sao được. Tôi nói thiệt với chị, gia-đạo của tôi người ngoài dòm vô ai cũng cho là có phước hết thấy. Nhưng mà tôi buồn lắm. Tuy ở nhà lâu, đi xe hơi, đeo hột xoàn, muốn vật chi cũng có, song tôi không

biết vui chút nào hết. Tôi sợ một ngày kia tôi phải tự vận mà chết, hăng không chết tại tôi cũng điên.

Cô Hoà nói tôi đây thì sắc mặt cô rất buồn bực. Cô Vân thấy bạn đau đớn như vậy, thì cô không dám điều gì nữa, cô nghiêm nét mặt mà nói : « Chị Hoà, chị bị bệnh ghen nặng lắm. Tôi biết vì chị thương chồng nhiều, nên chị mới ghen. Nhưng mà bệnh ghen là cái họa lớn trong gia đình. Vậy phải làm thế nào mà trừ cho gấp, nếu để dây dưa sợ nó phá gia đình rời-rã. Nay tôi biết chứng bệnh của chị rồi, không lẽ tôi làm lơ để cho gia-đạo của chị xáo xáo. Thôi, để mai mốt tôi thừa dịp nào anh Thuần rảnh, tôi sẽ thầy-lay mà tở bày nỗi phiền não của chị cho anh biết, đừng ảnh hưởng lượng làm cho chị hết ghen. Chị cho phép tôi nói thiệt với anh không ? »

Cô Hoà dự-dự một chút rồi mới đáp :

— Cô lẽ ở nhà tôi đã dư biết chỗ buồn của tôi, song muốn để như vậy cho tôi chết đứng cưới vợ khác !

— Ô ! Sao chị coi anh Thuần rẻ quá vậy ? Anh là người biết trọng gia-đình, nên tuy mắc lo làm ăn, song cũng sắm nhà cửa tử-lễ dựng vợ con ở cho sung sướng. Người có cái ý tốt như vậy lẽ nào lại còn có cái ý xấu như vậy.

— Thôi, chị muốn nói thì nói, nói thử coi ở nhà tôi đáp thế nào.

— Chị cho phép phải hôn ?

— Tôi cho.

— Mà tôi nói chuyện với anh, tôi sợ chị ghen tôi tôi nữa !

Cô Vân nói câu này rồi cô cười ngặt. Cô Hoà cũng cười mà đáp : « Tôi với chị thương nhau như ruột thịt. Có lẽ nào chị dành giết chồng tôi hay sao mà tôi ghen ». Hai cô cười xôm.

Thuần ở ngoài hăng về, ngừng xe trước thềm nhà. Bé Hậu đương chơi phía sau chạy ra mừng cha, rồi cha con ôm nhau mà hôn.

Cô Hoà với cô Vân đứng đây thững thững đi vô nhà.

Thuần ngó vợ mà nói : « Mời 6 giờ 15, thay đồ đi chơi một vòng, chừng 7 giờ rưỡi sẽ ăn cơm. Đi đừng cho Vân hừng gió một chút ».

Hai cô thay đồ rồi dắt bé Hậu lên xe. Thuần cầm tay bánh cho xe chạy qua phía Gò Vấp.

(Còn tiếp)

Autorisée par arrêté du Gouverneur Général

N° 500-N du 17 Juin et 1942

Imprimerie THẠNH MẬU
3, rue de ... - Saigon

Imp: 1.000 -

L'Administrateur Général :
HỒ VĂN KỶ-TRẦN

